

THÔNG BÁO

V/v gia hạn thời gian nộp học phí học kỳ II năm học 2015-2016

Trường Đại học Khoa học thông báo gia hạn thời gian nộp học phí cho sinh viên chưa nộp học phí học kỳ II năm học 2015-2016 như sau:

1. Thời gian và địa điểm

Lịch thu học phí : Từ ngày 11/04/2016-13/04/2016

Thời gian: Buổi sáng: 8h00' → 10h30'

Buổi chiều: 14h00' → 16h30'

Địa điểm tại phòng Kế hoạch - Tài chính (P.205 nhà Hiệu bộ)

2. Mức thu học phí học kỳ II năm học 2015-2016

Mức thu học phí SV	Hệ ngân sách	Hệ địa chỉ
Nhóm ngành KHXH (Văn, Việt Nam học, Lịch sử, Luật, Khoa học quản lý, Báo chí, Thư viện, Công tác xã hội).	174.000 đ/TC	267.000 đ/TC
Nhóm ngành KHTN (Toán, Lý, Hóa, Sinh, Địa, Khoa học môi trường, Du lịch, Quản lý tài nguyên môi trường).	207.000 đ/TC	316.000 đ/TC

Yêu cầu sinh viên thực nghiêm chỉnh thông báo trên. *Sau thời gian trên phòng Đào tạo sẽ hủy học phần của những sinh viên không nộp học phí đúng hạn.*

Lưu ý:

- Sinh viên khóa 9,10,11,12,13 nộp tiền học phí qua thẻ ATM của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank).
- Sinh viên phải giữ lại tất cả các biên lai học phí đến khi ra trường./.

Nơi nhận:

- Các khoa; bộ môn; GVCN;
- Phòng Đào tạo, CT HSSV
- Website trường; SMS;
- Lưu VT, KH-TC./.

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



Th.S Nguyễn Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016
KHÓA 13

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 08 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ1553201010113	Hà Văn Đức	Báo chí K13	1.740.000	
2	DTZ1553201010016	Tráng A Hằng	Báo chí K13	1.458.000	
3	DTZ1553201010103	Đỗ Khánh Đông	Báo chí K13	2.436.000	
4	DTZ1553201010011	Nguyễn Văn Dương	Báo chí K13	2.958.000	
5	DTZ1553201010035	Lường Thị Mỹ	Báo chí K13	2.958.000	
6	DTZ1553201010085	Lê Kiều Oanh	Báo chí K13	2.958.000	
7	DTZ1553201010040	Giàng A Páo	Báo chí K13	2.958.000	
8	DTZ1553201010053	Ngô Văn Thế	Báo chí K13	2.958.000	
9	DTZ1553201010052	Lý Phương Thảo	Báo chí K13	2.958.000	
10	DTZ1553201010061	Thân Thị Thùy	Báo chí K13	2.958.000	
11	DTZ1553201010063	Trịnh Nam Tiến	Báo chí K13	2.958.000	
12	DTZ1555104010001	Mai Chí Công	CoN Hóa K13	3.726.000	
13	DTZ1555104010006	Lương Khánh Ly	CoN Hóa K13	3.726.000	
14	DTZ1557601010073	Chèo Tân Sơn	Công tác xã hội K13 - A	1.392.000	
15	DTZ1557601010121	Tráng A Trinh	Công tác xã hội K13 - A	2.436.000	
16	DTZ1557601010075	Hồ A Súa	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
17	DTZ1557601010122	Nguyễn Thị Bích	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
18	DTZ1557601010016	Hoàng Văn Đá	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
19	DTZ1557601010024	Hoàng Thị Ngân Hà	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
20	DTZ1557601010061	Sùng Mí Nu	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
21	DTZ1557601010067	Hoàng Thị Phương	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
22	DTZ1557601010097	Lò Văn Quang	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
23	DTZ1557601010098	Chò Thị Tâm	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
24	DTZ1557601010079	Lò Thị Thân	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
25	DTZ1557601010077	Giàng A Tăng	Công tác xã hội K13 - A	2.958.000	
26	DTZ1557601010116	Sùng A Tung	Công tác xã hội K13 - B	2.610.000	
27	DTZ1557601010025	Hoàng Thị Thu Hà	Công tác xã hội K13 - B	2.958.000	
28	DTZ1557601010041	Vi Văn Khánh	Công tác xã hội K13 - B	2.958.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
29	DTZ1557601010064	Lò Thị Oanh	Công tác xã hội K13 - B	2.958.000	
30	DTZ1557601010083	Đào Thị Thim	Công tác xã hội K13 - B	2.958.000	
31	DTZ1557601010124	Nông Thanh Tuyền	Công tác xã hội K13 - B	2.958.000	
32	DTZ1554402170015	Âu Tiến Thành	Địa lí K13	3.312.000	
33	DTZ1557204030028	Phạm Thị Thiên Thu	Hóa dược K13	2.277.000	
34	DTZ1557204030008	Nguyễn Thị Hiền	Hóa dược K13	3.519.000	
35	DTZ1557204030024	Phùng A Páo	Hóa dược K13	3.519.000	
36	DTZ1554403010020	Nguyễn Mạnh Cường	Khoa học Môi trường K13	2.277.000	
37	DTZ1554403010014	Hà Quang Linh	Khoa học Môi trường K13	3.312.000	
38	DTZ1553404010032	Lù Văn Tinh	Khoa học quản lí K13	2.088.000	
39	DTZ1553404010008	Hảng A Hành	Khoa học quản lí K13	2.436.000	
40	DTZ1553404010045	Lò Văn Mạnh	Khoa học quản lí K13	3.132.000	
41	DTZ1553404010027	Giàng Thị Thành	Khoa học quản lí K13	3.480.000	
42	DTZ1553202020005	Hà Thị Thoa	Khoa học thư viện K13	2.784.000	
43	DTZ1552203100003	Lò Văn Hường	Lịch sử K13	2.436.000	
44	DTZ1553801010067	Nguyễn Thị Hiền	Luật K13 - A	2.088.000	
45	DTZ1553801010011	Đinh Thị Mai Chi	Luật K13 - B	3.306.000	
46	DTZ1553801010024	Đào Hải Đăng	Luật K13 - B	3.306.000	
47	DTZ1553801010027	Nguyễn Thành Đạt	Luật K13 - B	3.306.000	
48	DTZ1553801010149	Lệnh Thị Nga	Luật K13 - B	3.306.000	
49	DTZ1553801010057	Lê Thái Hà	Luật K13 - C	2.088.000	
50	DTZ1553801010182	Khang A Sàng	Luật K13 - C	3.306.000	
51	DTZ1553801010197	Mùa A Thành	Luật K13 - C	3.306.000	
52	DTZ1553801010224	Hoàng Thu Trang	Luật K13 - C	3.306.000	
53	DTZ1553801010033	Lò Thị Điệp	Luật K13 - C	3.306.000	
54	DTZ1553801010293	Pờ Dền Phú	Luật K13 - D	3.306.000	
55	DTZ1553801010203	Lầu A Thi	Luật K13 - D	2.610.000	
56	DTZ1553801010176	Hoàng Bình Quân	Luật K13 - D	2.958.000	
57	DTZ1553801010014	Đỗ Linh Chi	Luật K13 - D	3.306.000	
58	DTZ1553801010159	Lê Khôi Nguyên	Luật K13 - D	3.306.000	
59	DTZ1553801010264	Lầu Hồ Sính	Luật K13 - D	3.306.000	
60	DTZ1553801010188	Sùng A Súa	Luật K13 - D	3.306.000	
61	DTZ1558501010038	Đặng Nhật Minh	QL TNMT K13	3.312.000	
62	DTZ1558501010015	Đặng Quang Huy	QL TNMT K13	3.312.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
63	DTZ1558501010043	Thào A Lù	QL TNMT K13	3.312.000	
64	DTZ1555281020006	Nguyễn Thị Duyên	Du lịch K13	3.519.000	
65	DTZ1554601010004	Vũ Thị Bích	Toán học K13	1.863.000	
66	DTZ1554601010003	Nguyễn Thị Ánh	Toán học K13	2.691.000	
67	DTZ1554601010007	Ngô Huy Hoàng	Toán học K13	3.726.000	
68	DTZ1552203300028	Lù Thị Hoan	Văn học K13	2.784.000	
69	DTZ1552203300022	Giàng Thị Vàng	Văn học K13	2.784.000	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Trưởng phòng KHTC

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Thu Hằng



Nguyễn Thị Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016

KHÓA 12

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 18 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ1453201010033	Lý Thị Hiện	Báo chí K12	1.482.000	
2	DTZ1453201010034	Trần Linh Chi	Báo chí K12	3.132.000	
3	DTZ1453201010101	Nguyễn Văn Công	Báo chí K12	3.132.000	
4	DTZ1453201010059	Nguyễn Thanh Dũng	Báo chí K12	3.132.000	
5	DTZ1453201010012	Chu Tú Mai	Báo chí K12	3.132.000	
6	DTZ1453201010041	Nguyễn Mai Quỳnh	Báo chí K12	3.132.000	
7	DTZ1453201010094	Nông Thiên Thư	Báo chí K12	3.132.000	
8	DTZ1454202010035	Bùi Thị Thanh	CoN Sinh K12	1.133.000	
9	DTZ1454202010014	Vi Văn Tư	CoN Sinh K12	1.547.000	
10	DTZ1454202010004	Đoàn Văn Hùng	CoN Sinh K12	2.347.000	
11	DTZ1454202010015	Vừ Bá Dì	CoN Sinh K12	4.347.000	
12	DTZ1457601010036	Chang A Giồng	Công tác xã hội K12	1.184.000	
13	DTZ1457601010092	Triệu Thị Hoài	Công tác xã hội K12	1.184.000	
14	DTZ1457601010145	Hoàng Thị Nga	Công tác xã hội K12	1.184.000	
15	DTZ1457601010127	Lý Thị Phong	Công tác xã hội K12	1.184.000	
16	DTZ1457601010024	Lô Trí Kiên	Công tác xã hội K12	1.984.000	
17	DTZ1457601010063	Vàng Seo Sàng	Công tác xã hội K12	1.984.000	
18	DTZ1455104030048	Đoàn Thị Thanh Huyền	Hóa dược K12	3.312.000	
19	DTZ1455104030032	Nguyễn Mai Hương	Hóa dược K12	3.312.000	
20	DTZ1455104030029	Nguyễn Thị Phương Linh	Hóa dược K12	3.312.000	
21	DTZ1455104030001	Phạm Thị Duyên	Hóa dược K12	3.933.000	
22	DTZ1455104030044	Đinh Thị Huệ	Hóa dược K12	3.933.000	
23	DTZ1454401120017	Phạm Tiến Dũng	Hóa học K12	3.726.000	
24	DTZ1454401120003	Phùng Minh Tuế	Hóa học K12	3.726.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
25	DTZ1454401120012	Nguyễn Thị Tươi	Hóa học K12	3.726.000	
26	DTZ1454403010005	Hoàng Thị Hoa	Khoa học Môi trường K12	846.000	
27	DTZ1454403010001	Nông Thị Quế	Khoa học Môi trường K12	846.000	
28	DTZ1453404010040	Đặng Thị Chuồng	Khoa học quản lí K12	858.000	
29	DTZ1453404010079	Vi Hữu Tài	Khoa học quản lí K12	858.000	
30	DTZ1453404010029	Nông Văn Tâm	Khoa học quản lí K12	858.000	
31	DTZ1453404010054	Triệu Tuấn Thành	Khoa học quản lí K12	2.158.000	
32	DTZ1453404010017	Nguyễn Thị Phụng	Khoa học quản lí K12	2.610.000	
33	DTZ1453404010110	Trần Mạnh Tùng	Khoa học quản lí K12	2.610.000	
34	DTZ1453404010053	Long Thị Đan	Khoa học quản lí K12	2.958.000	
35	DTZ1453404010109	Nguyễn Thị Huyền	Khoa học quản lí K12	2.958.000	
36	DTZ1453404010005	Mông Thu Trang	Khoa học quản lí K12	2.958.000	
37	DTZ1453404010046	Vàng Thị Trang	Khoa học quản lí K12	2.958.000	
38	DTZ1453404010034	Hoàng Tiến Trình	Khoa học quản lí K12	2.958.000	
39	DTZ1452203100015	Phùng Xá Minh	Lịch sử K12	3.132.000	
40	DTZ1452203100007	Bàn Văn Sơn	Lịch sử K12	3.654.000	
41	DTZ1453801010030	Nguyễn Thị Chúc	Luật K12	2.402.000	
42	DTZ1453801010123	Ma Thị Huệ	Luật K12	2.402.000	
43	DTZ1453801010002	Hạng A Khu	Luật K12	2.402.000	
44	DTZ1453801010088	Lành Thị Mến	Luật K12	2.402.000	
45	DTZ1453801010053	Lý Văn Thân	Luật K12	2.402.000	
46	DTZ1453801010106	Hứa Ngọc Trung	Luật K12	4.002.000	
47	DTZ1453801010121	Khuong Thị Liên	Luật K12	2.958.000	
48	DTZ1453801010109	Lường Thu Hiền	Luật K12	4.002.000	
49	DTZ1453801010026	Vi Thị Thuận	Luật K12	4.002.000	
50	DTZ1453801010226	Lương Minh Anh	Luật K12	4.002.000	
51	DTZ1453801010154	Nông Thị Minh Anh	Luật K12	4.002.000	
52	DTZ1453801010104	Mua Thị Dĩnh	Luật K12	4.002.000	
53	DTZ1453801010137	Nịnh Bảo Hưng	Luật K12	4.002.000	



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
54	DTZ1453801010090	Ma Thị Nga	Luật K12	4.002.000	
55	DTZ1453801010139	Lương Thị Hương Nhài	Luật K12	4.002.000	
56	DTZ1453801010169	Trần Anh Tuấn	Luật K12	4.002.000	
57	DTZ1458501010016	Sùng A Cha	QLTNMT K12	1.632.000	
58	DTZ1358501010091	Tạ Quang Trường	QLTNMT K12	3.312.000	
59	DTZ1458501010036	Nguyễn Văn Chung	QLTNMT K12	3.312.000	
60	DTZ1458501010038	Nguyễn Thị Bích Huệ	QLTNMT K12	3.312.000	
61	DTZ1458501010107	Lường Xuân Hữu	QLTNMT K12	3.312.000	
62	DTZ1458501010126	Hoàng Phương Thảo	QLTNMT K12	3.312.000	
63	DTZ1455281020021	Bê Thị Kiều	Du lịch K12	1.961.000	
64	DTZ1455281020042	Lý Thị Thảo	Du lịch K12	1.961.000	
65	DTZ1455281020023	Má Thị Lan	Du lịch K12	4.761.000	
66	DTZ1452203300003	Sa Quang Tùng	Văn học K12	1.258.000	
67	DTZ1452203300036	Đoàn Thị Hạnh	Văn học K12	2.958.000	
68	DTZ1452203300007	Hà Thị Ngọc	Văn học K12	2.958.000	
69	DTZ1452203300051	Hà Vũ Thùy Trang	Văn học K12	2.958.000	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Trưởng phòng KHTC

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Thu Hằng



Nguyễn Thị Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016

KHÓA 11

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 08 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ1353201010102	Hoàng Văn Thái	Báo chí K11	2.480.000	
2	DTZ1353201010077	Nguyễn Đức Mạnh	Báo chí K11	2.610.000	
3	DTZ1353201010024	Triệu Thị Mai	Báo chí K11	3.132.000	
4	DTZ1353201010136	Hàng A Trường	Báo chí K11	4.002.000	
5	DTZ1353201010023	Nông Thị Ngoan	Báo chí K11	4.350.000	
6	DTZ1353201010014	Phạm Thị Hải Yến	Báo chí K11	4.350.000	
7	DTZ1355104010012	Lương Văn Ánh	CoN Hóa K11	3.933.000	
8	DTZ1354202010064	Đặng Thanh Tùng	CoN Sinh K11	3.519.000	
9	DTZ1354202010031	Vũ Minh Thủy	CoN Sinh K11	3.933.000	
10	DTZ1357601010139	Bùi Tiến Đạt	Công tác xã hội K11	1.560.000	
11	DTZ1357601010089	Hoàng Văn Chính	Công tác xã hội K11	3.306.000	
12	DTZ1357601010161	Hoàng Thị Dương	Công tác xã hội K11	3.306.000	
13	DTZ1357601010016	Vương Văn Sinh	Công tác xã hội K11	3.306.000	
14	DTZ1357601010099	Chào A Su	Công tác xã hội K11	3.306.000	
15	DTZ1357601010033	Vàng Văn Thắng	Công tác xã hội K11	3.306.000	
16	DTZ1357601010088	Dương Lệ Thủy	Công tác xã hội K11	3.306.000	
17	DTZ1357601010102	Phạm Ngọc Tuyền	Công tác xã hội K11	3.306.000	
18	DTZ1257601010047	Bùi Thị Thảo	Công tác xã hội K11	3.456.000	
19	DTZ1357601010090	Lương Thị Iu	Công tác xã hội K11	3.828.000	
20	DTZ1357601010063	Hoàng Văn Sài	Công tác xã hội K11	3.306.000	
21	DTZ1357601010037	Ma Thị Vui	Công tác xã hội K11	3.306.000	
22	DTZ1357601010095	Ly A Phổng	Công tác xã hội K11	4.176.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
23	DTZ1357601010047	Khang Thị Dở	Công tác xã hội K11	4.698.000	
24	DTZ1354401120040	Lục Văn Khiêm	Hóa học K11	3.933.000	
25	DTZ1354403010138	Hoàng Thị Lệ Quyên	Khoa học Môi trường K11	3.105.000	
26	DTZ1354403010012	Ngô Thị Như Hoa	Khoa học Môi trường K11	3.519.000	
27	DTZ1354403010089	Bùi Thị Thu Hương	Khoa học Môi trường K11	3.105.000	
28	DTZ1354403010027	Vũ Thái Bình Minh	Khoa học Môi trường K11	3.105.000	
29	DTZ1354403010042	Nông Thị Thảo	Khoa học Môi trường K11	3.105.000	
30	DTZ1354403010171	Nguyễn Thị Thùy Dương	Khoa học Môi trường K11	5.175.000	
31	DTZ1354403010154	Nguyễn Phương Thảo	Khoa học Môi trường K11	3.726.000	
32	DTZ1354403010147	Thào A Lữ	Khoa học Môi trường K11	3.933.000	
33	DTZ1354403010135	Lò Ngọc Chung	Khoa học Môi trường K11	4.534.000	
34	DTZ1353404010121	Ma Thị Lệ	Khoa học quản lí K11	3.132.000	
35	DTZ1353404010048	Dương Thị Hoa	Khoa học quản lí K11	3.132.000	
36	DTZ1353404010068	Tô Thị Vi Nhung	Khoa học quản lí K11	3.132.000	
37	DTZ1353404010005	Văn Thị Quỳnh	Khoa học quản lí K11	3.480.000	
38	DTZ1353404010096	Phạm Thu Hoài	Khoa học quản lí K11	4.350.000	
39	DTZ1352203100013	Nguyễn Lê Huy	Lịch sử K11	4.176.000	
40	DTZ1353801010035	Lìm Thị Nhung	Luật K11	3.306.000	
41	DTZ1353801010031	Trần Thị Lệ Quyên	Luật K11	3.306.000	
42	DTZ1353801010021	Phan Thạch Thảo	Luật K11	2.406.000	
43	DTZ1353801010117	Nguyễn Thị Anh	Luật K11	2.506.000	
44	DTZ1353801010101	Hoàng Văn Hồi	Luật K11	3.306.000	
45	DTZ1353801010070	Lưu Thị Mỹ Hạnh	Luật K11	3.654.000	
46	DTZ1353801010115	Hoàng Văn Dong	Luật K11	3.306.000	
47	DTZ1353801010073	Lê Thị Nhi	Luật K11	3.306.000	
48	DTZ1353801010088	Đương Công Thịnh	Luật K11	3.306.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
49	DTZ1353801010080	Âu Thị Ánh	Luật K11	3.450.000	
50	DTZ1353801010120	Thào A Khánh	Luật K11	3.480.000	
51	DTZ1353801010038	Bùi Văn Trung	Luật K11	3.600.000	
52	DTZ1353801010100	Hoàng Hải Anh	Luật K11	3.828.000	
53	DTZ1353801010020	Phượng Mùi Mấy	Luật K11	4.176.000	
54	DTZ1353801010123	Cứ A Tòa	Luật K11	4.176.000	
55	DTZ1358501010117	Ma Văn Huỳnh	QLTNMT K11	2.898.000	
56	DTZ1358501010115	Hoàng Văn Huấn	QLTNMT K11	4.140.000	
57	DTZ1358501010127	Nguyễn Minh Lâm	QLTNMT K11	4.140.000	
58	DTZ1358501010098	Ngô Văn Tuyên	QLTNMT K11	4.140.000	
59	DTZ1358501010070	Lò Văn Ngọc	QLTNMT K11	4.761.000	
60	DTZ1353202020005	Dương Thu Thủy	Thư viện K11	3.132.000	
61	DTZ1354601010013	Hà Thị Tiêu	Toán học K11	2.206.000	
62	DTZ1354601010106	Lạc Văn Thúc	Toán học K11	3.847.000	
63	DTZ1354601010002	Lương Thùy Dương	Toán học K11	4.140.000	
64	DTZ1352203300053	Phạm Thị Ngọc Bích	Văn học K11	3.306.000	xin gia hạn
65	DTZ1352203300001	Hoàng Thị Dung	Văn học K11	3.306.000	xin gia hạn
66	DTZ1352203300068	Triệu Yến Linh	Văn học K11	3.828.000	xin gia hạn
67	DTZ1352203300003	Hoa Thị Kiều Oanh	Văn học K11	3.306.000	
68	DTZ1352203300014	Nguyễn Thị Kim Dung	Văn học K11	3.828.000	xin gia hạn

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Trưởng phòng KHTC

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Thu Hằng



Nguyễn Thị Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016

KHÓA 10

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 08 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ1253201010007	Ma Thị Thu Cúc	Báo chí K10	1.740.000	
2	DTZ1253201010017	Lý Quỳnh Hoa	Báo chí K10	2.262.000	
3	DTZ1253201010033	Đoàn Thị Quỳnh Mai	Báo chí K10	2.610.000	
4	DTZ1253201010074	Lê Quang Mừng	Báo chí K10	2.262.000	
5	DTZ1253201010041	Nông Minh Phương	Báo chí K10	1.740.000	
6	DTZ1253201010049	Ngô Thị Thảo	Báo chí K10	4.698.000	
7	DTZ1253201010053	Nguyễn Anh Tuấn	Báo chí K10	1.740.000	
8	DTZ1253201010058	Hoàng Thị Yến	Báo chí K10	2.262.000	
9	DTZ1254202010003	Hầu Văn Bằng	CoN Sinh K10	2.277.000	
10	DTZ1254202010005	Nông Văn Đức	CoN Sinh K10	2.277.000	
11	DTZ1254202010045	Vũ Văn Giang	CoN Sinh K10	4.140.000	
12	DTZ1254202010014	Lưu Công Khải	CoN Sinh K10	1.863.000	
13	DTZ1254202010037	Nguyễn Đức Toàn	CoN Sinh K10	4.554.000	
14	DTZ1257601010003	Lò Văn Bích	Công tác xã hội K10	1.740.000	
15	DTZ1257601010025	Phùng Thị Kim	Công tác xã hội K10	1.740.000	
16	DTZ1257601010068	Hà Thanh Lam	Công tác xã hội K10	1.740.000	
17	DTZ1257601010070	Triệu Văn Lâm	Công tác xã hội K10	1.740.000	
18	DTZ1257601010038	Hoàng Thị Oanh	Công tác xã hội K10	1.740.000	
19	DTZ1257601010074	Mã Đức Thiệp	Công tác xã hội K10	1.740.000	
20	DTZ1257601010062	Triệu Thị Kim Xuyên	Công tác xã hội K10	3.306.000	
21	DTZ1254402170049	Hoàng Văn Bốn	Địa lí K10	4.554.000	
22	DTZ1254402170054	Hoàng Thị Dâng	Địa lí K10	4.968.000	
23	DTZ1254402170035	Sầm Hoàng Dũng	Địa lí K10	4.140.000	
24	DTZ1254402170002	Lục Văn Giáp	Địa lí K10	3.933.000	
25	DTZ1254402170012	Nông Văn Tài	Địa lí K10	1.863.000	
26	DTZ1254401120001	Nguyễn Việt Duy	Hóa học K10	3.519.000	



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
27	DTZ1254403010009	Đào Thị Gấm	Khoa học Môi trường K10	2.277.000	
28	DTZ1254403010023	Đặng Thu Huyền	Khoa học Môi trường K10	4.347.000	
29	DTZ1254403010072	Nguyễn Hữu Thứ	Khoa học Môi trường K10	3.933.000	
30	DTZ1253404010120	Cử A Chu	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
31	DTZ1253404010013	Hoàng Minh Dương	Khoa học quản lí K10	2.436.000	
32	DTZ1253404010023	Hoàng Thị Hằng	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
33	DTZ1253404010034	Hoàng Văn Hùng	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
34	DTZ1253404010038	Nông Thế Huynh	Khoa học quản lí K10	1.470.000	
35	DTZ1253404010041	Sầm Thị Khởi	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
36	DTZ1253404010058	Dương Văn Lực	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
37	DTZ1253404010053	Triệu Thị Liễu	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
38	DTZ1253404010074	Tổng Văn Quý	Khoa học quản lí K10	1.740.000	
39	DTZ1252203100017	Nguyễn Thị Hà	Lịch sử K10	2.958.000	
40	DTZ1258501010022	Nguyễn Văn Hiến	QLTNMT K10	3.933.000	
41	DTZ1258501010051	Dương Văn Thức	QLTNMT K10	1.863.000	
42	DTZ1252203300097	Trịnh Văn Chiến	Du lịch K10	2.070.000	
43	DTZ1255281020014	Dương Hoàng Ngọc	Du lịch K10	2.070.000	
44	DTZ1255281020043	Trần Thị Thanh Tâm	Du lịch K10	5.175.000	
45	DTZ1252203300120	Nguyễn Trung Đức	Văn học K10	2.784.000	
46	DTZ1252203300030	Dương Thị Hà	Văn học K10	2.610.000	
47	DTZ1252203300093	Hoàng Thị Hoa	Văn học K10	2.610.000	
48	DTZ1252203300059	Dương Thị Thanh Huyền	Văn học K10	1.740.000	
49	DTZ1252203300110	Nguyễn Hồng Liên	Văn học K10	2.262.000	
50	DTZ1252203300007	Hồ Thị Mao	Văn học K10	2.958.000	
51	DTZ1252203300066	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	Văn học K10	2.436.000	
52	DTZ1252201130039	Nguyễn Việt Chánh	Việt Nam học K10	2.088.000	
53	DTZ1252201130001	Ma Thị Sen	Việt Nam học K10	1.740.000	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Trưởng phòng KHTC

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Thu Hằng



Nguyễn Thị Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016
KHÓA 9

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 08 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ1156170073	Ngô Trường An	Báo chí K9	3.828.000	
2	DTZ1156170079	Phạm Lữ Thùy Duyên	Báo chí K9	348.000	
3	DTZ1156170060	Nông Xuân Hoàng	Báo chí K9	3.828.000	
4	DTZ1156170093	Dương Thị Tâm	Báo chí K9	2.640.000	
5	DTZ1156170039	Dương Thị Thùy	Báo chí K9	2.088.000	
6	DTZ1156170100	Lý Quang Vũ	Báo chí K9	480.000	
8	DTZ1153310042	Nguyễn Duy Phong	CoN Sinh K9	360.000	
9	DTZ1153310050	Nguyễn Văn Thái	CoN Sinh K9	4.140.000	
10	DTZ1156130002	Lê Thị Lan Anh	Công tác xã hội K9	522.000	
11	DTZ1156130001	Phùng Xuân Anh	Công tác xã hội K9	1.044.000	
12	DTZ1156130011	Bùi Trọng Chung	Công tác xã hội K9	348.000	
13	DTZ1156130023	Trần Đức Hoàng	Công tác xã hội K9	870.000	
14	DTZ1156130081	Nguyễn Thị Hà Phương	Công tác xã hội K9	1.335.000	
15	DTZ1156130048	Phạm Thị Quỳnh Phương	Công tác xã hội K9	522.000	
16	DTZ1152310043	Đổng Văn Trục	Địa lý K9	1.960.000	
18	DTZ1156180048	Phạm Thanh Bình	Du lịch K9	360.000	
19	DTZ1156180026	Hoàng Thị Thanh Thảo	Du lịch K9	540.000	
27	DTZ1156180040	Bùi Thị Thương	Du lịch K9	1.620.000	
17	DTZ1052300058	Nguyễn Văn Thái	Hóa phân tích K9	3.080.000	
7	DTZ1152320043	Nguyễn Thị Lụa	KHMT K9	360.000	
20	DTZ1052320011	Hoàng Văn Đại	KHMT K9	1.035.000	
21	DTZ1152320141	Hoàng Hữu Nam	KHMT K9	360.000	
22	DTZ1152320192	Phan Văn Ninh	KHMT K9	6.720.000	
23	DTZ1152320064	Hoàng Thị Phượng	KHMT K9	2.340.000	
24	DTZ1152320098	Trương Ngọc Tùng	KHMT K9	1.260.000	
28	DTZ1152320016	Hoàng Văn Đông	KHMT K9	360.000	
29	DTZ1152320015	Lê Thành Đạt	KHMT K9	3.240.000	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
30	DTZ1152320030	Cổng Văn Hưng	KHMT K9	900.000	
31	DTZ1152320183	Nguyễn Thành Nam	KHMT K9	840.000	
32	DTZ1152320103	Bùi Duy Thái	KHMT K9	360.000	
33	DTZ1156120080	Nguyễn Thị Sen	KHQL K9	1.500.000	
25	DTZ1156110083	Đoàn Duy Khánh	Lịch sử K9	1.920.000	
26	DTZ1156110061	Lưu Thị Thao	Lịch sử K9	300.000	
34	DTZ1153300078	Quảng Văn Minh	Sinh K9	720.000	
35	DTZ1153300081	Trần Trung Nghĩa	Sinh K9	540.000	
36	DTZ1153300051	Hà Thị Hòa	Sinh K9	2.160.000	
37	DTZ1153300069	Hoàng Thị Út Liên	Sinh K9	540.000	
38	DTZ1153300106	Lê Thị Thiết	Sinh K9	720.000	
39	DTZ1156100220	Hoàng Thị Chiêm	Văn học K9	348.000	
40	DTZ1156100023	Tăng Thị Ngọc Dương	Văn học K9	2.436.000	
41	DTZ1156100183	Nguyễn Văn Hiếu	Văn học K9	1.566.000	
42	DTZ1156100031	Nguyễn Thị Hằng	Văn học K9	348.000	
43	DTZ1156100043	Hoàng Thị Hồng	Văn học K9	348.000	
44	DTZ1156100159	Liệu Thị Hồng	Văn học K9	348.000	
45	DTZ1156100033	Hoàng Thị Hạnh	Văn học K9	348.000	
46	DTZ1156100055	Hoàng Thị Huyền	Văn học K9	2.784.000	
47	DTZ1156100057	Nguyễn Thị Huyền	Văn học K9	348.000	
48	DTZ1156100175	Nguyễn Thị Huyền	Văn học K9	2.958.000	
49	DTZ1156100096	Nguyễn Trần Quang	Văn học K9	1.218.000	
50	DTZ1156100117	Nông Ngọc Thiện	Văn học K9	2.262.000	
51	DTZ1156100126	Nguyễn Thị Thúy	Văn học K9	1.740.000	
52	DTZ1156100132	Liên Thị Tới	Văn học K9	1.914.000	
53	DTZ1156100136	Ngân Thị Trang	Văn học K9	348.000	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Trưởng phòng KHTC

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Thu Hằng



Nguyễn Thị Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016

KHÓA 8

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 08 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ1053310019	Dương Minh Hoàng	Công nghệ sinh học K8	1.449.000	
2	DTZ1052300001	Hoàng Thị Ngọc Anh	Hóa học K8	621.000	
3	DTZ1052300055	Nguyễn Anh Đức	Hóa học K8	1.264.000	
4	DTZ1052320064	Đình Viêt Đại	Khoa học Môi trường K8	632.000	
5	DTZ1052320075	Lương Ngọc Khánh	Khoa học Môi trường K8	632.000	
6	DTZ1052320025	Trần Thị Thùy Linh	Khoa học Môi trường K8	621.000	
8	DTZ1052320076	Nông Trần Long	Khoa học Môi trường K8	7.900.000	
9	DTZ1052320084	Dương Minh Nghĩa	Khoa học Môi trường K8	1.580.000	
10	DTZ1052320071	Trần Kiếm Thành	Khoa học Môi trường K8	948.000	
12	DTZ1056110018	Tô Viêt Khoan	Lịch sử K8	1.044.000	
13	DTZ1056110123	Sầm Thị Liễu	Lịch sử K8	2.937.000	
14	DTZ1056110126	Nguyễn Thị Oanh	Lịch sử K8	534.000	
15	DTZ1053300014	Trần Ngọc Đại	Sinh học K8	1.449.000	
16	DTZ1051300026	Bùi Ngọc Thái	Toán học K8	2.277.000	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Trưởng phòng KHTC

Người lập biểu



ThS. Nguyễn Thu Hằng



Nguyễn Thị Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐÓNG HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016

KHÓA 7

(Kèm theo thông báo số: 258 ngày 08 tháng 4 năm 2016)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp quản lý	Chưa nộp	Ghi chú
1	DTZ0953310226	Nông Trung Đức	CoN Sinh K7	948.000	
2	DTZ0953310133	Nông Đức Thuận	CoN Sinh K7	1.264.000	
3	DTZ0953310162	Lò Văn Thương	CoN Sinh K7	5.056.000	
4	DTZ0952300064	Nguyễn Tiến Tùng	CN Hóa Học K7	1.449.000	
5	DTZ0952320121	Nông Quang An	KHMT K7	7.584.000	
6	DTZ0952320041	Lương Đình Chinh	KHMT K7	1.896.000	
7	DTZ0952320132	Tô Thị Thúy Diệp	KHMT K7	2.212.000	
8	DTZ0952320211	Sa Đăng Khoa	KHMT K7	3.476.000	
9	DTZ0952320194	Nông Thị Thúy	KHMT K7	632.000	
10	DTZ0956120183	Đỗ Mai Hương	CN KHQL K7	6.675.000	
11	DTZ0956120201	Đặng Đức Thắng	CN KHQL K7	801.000	
12	DTZ0951320048	Nguyễn Duy Hát	Toán - Tin K7	621.000	
13	DTZ0951320041	Dương Công Tứ	Toán - Tin K7	5.056.000	
14	DTZ0956100230	Lê Thị Phương	Văn học K7	534.000	

Trưởng phòng KHTC



ThS. Nguyễn Thu Hằng

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Lâm